

SỞ Y TẾ CÀ MAU
TTYTKV HỒNG DÂN

Số: 09/TTT-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xã Hồng Dân, ngày 16 tháng 09 năm 2025

THÔNG TIN THUỐC

Kính gửi: Các khoa, phòng

Để thuận tiện cho việc sử dụng và bảo quản đối với trường hợp sử dụng một phần thuốc trong đơn vị đóng gói nhỏ nhất. Khoa Dược – TTB – VTYT xin gửi đến các khoa phòng về: **HƯỚNG DẪN PHA THUỐC – ĐỘ ỔN ĐỊNH & ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN CỦA MỘT SỐ THUỐC**

Chú ý:

- Theo quan điểm vi sinh học và vô trùng, phải dùng thuốc ngay sau khi pha.
- Các hướng dẫn chỉ áp dụng đúng với mỗi tên thuốc (biệt dược). Hiện tại các biệt dược đều có tên khác nhau, mã thuốc được ghi chú ở cột STT [1]
- Hướng dẫn cách dùng, bảo quản được lấy từ HDSD của nhà sản xuất.



BSCKII. Lâm Hoàng Thống

P.KHNV

BSCKI Võ Thanh Sang

TỔ THÔNG TIN

BS. Võ Thanh Huyền

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT & HL	NSX	CÁCH DÙNG	ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ ĐK BẢO QUẢN	LƯU Ý KHÁC
1 AM235	Claminat 1,2g	Amoxicilin + A.Clavulanic 1/0,2g	Dược phẩm Hà Tây	Tiêm TM: Pha với 20ml nước cất Truyền TM: Pha với 20ml nước cất hoặc NaCl 0.9%, sau đó pha với 100ml NaCl 0.9%	Độ ổn định 4 giờ sau khi pha Thuốc chỉ sử dụng 1 lần. Phần thừa phải được loại bỏ	Không trộn lẫn với dd acid amin, nhũ dịch lipid, máu, glucose
2 AM236	Clamogentin 1,2g	Amoxicilin + A.Clavulanic 1/0,2g	Dược phẩm VCP	Tiêm TM: Pha với 20ml nước cất Truyền TM: Pha với 20ml nước cất hoặc NaCl 0.9%, sau đó pha với 100ml NaCl 0.9%	Thuốc chỉ sử dụng 1 lần. Phần thừa phải được loại bỏ	Dùng riêng lẻ, không trộn lẫn với các thuốc khác.
3 TE293	Tenamyd-Ceftazidime 1000 Ceftazidime 1000	Ceftazidime 1g	Dược phẩm Tenamyd	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất	Dùng ngay sau khi pha Nếu chưa dùng ngay nên bảo quản ở điều kiện vô trùng: <12h ở nhiệt độ 2-8°C và <4h ở nhiệt độ <25°C	Không trộn với Natri Bicarbonat
4 CE357	Ceftazidime 1g	Ceftazidime 1g	Dược phẩm Minh Dân	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất	18 giờ ở nhiệt độ <25°C 7 ngày ở nhiệt độ 2 – 8°C	Không trộn với Natri Bicarbonat
5 TE292	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxime 1g	Dược phẩm Tenamyd	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất	Dùng ngay sau khi pha Nếu chưa dùng ngay nên bảo quản ở điều kiện vô trùng: <12h ở nhiệt độ 2-8°C và <4h ở nhiệt độ <25°C	Không trộn với Natri Bicarbonat
6 CE339	Cefotaxime 1g	Cefotaxime 1g	Dược phẩm Minh Dân	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất	24 giờ ở nhiệt độ <22°C 10 ngày ở nhiệt độ <5°C	Không trộn với Natri Bicarbonat
7	Tenamyd- cefotaxime	Cefotaxim 2g	Dược phẩm	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất	Dùng ngay sau khi pha	Không trộn với

TE291	2000		Tenamyd	Truyền TM: Pha với 10ml nước cất, sau đó pha với 50-500ml NaCl 0.9%	Nếu chưa dùng ngay nên bảo quản ở điều kiện vô trùng: <12h ở nhiệt độ 2-8°C và <4h ở nhiệt độ <25°C	Natri Bicarbonat
8 CE345	Ceftriaxone 1g	Ceftriaxone 1g	Dược phẩm Minh Dân	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất Truyền TM: Pha với 10ml nước cất, sau đó pha với 40ml NaCl 0.9%	3 ngày ở nhiệt độ <25°C 10 ngày ở nhiệt độ <4°C (hạn chế do giảm hoạt lực)	Không sử dụng các dung dịch pha loãng có chứa Calci như Ringer lactat.
9 ME320	Medivernol 1g	Ceftriaxone 1g	Medochemie	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất Truyền TM: Pha với 10ml nước cất, sau đó pha với 40ml NaCl 0.9%	<24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C	Không sử dụng các dung dịch pha loãng có chứa Calci như Ringer lactat.
10 CE346	Trikaxon 2g	Ceftriaxon 2g	Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Truyền TM: Pha với 20ml nước cất, sau đó pha với 50-100ml NaCl 0.9%	Nên dùng dung dịch mới pha	Không sử dụng các dung dịch pha loãng có chứa Calci như Ringer lactat.
11 TE295	Tenamyd-Cefuroxime 1500	Cefuroxim 1.5g	Dược phẩm Tenamyd	Tiêm TM: pha với 16ml nước cất 100ml NaCl 0.9%	Dùng ngay sau khi pha Nếu chưa dùng ngay nên bảo quản ở điều kiện vô trùng: <12h ở nhiệt độ 2-8°C và <8h ở nhiệt độ <25°C	
12 CE347	Cefuroxim 1g	Cefuroxim 1g	Dược phẩm VCP	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất Truyền TM: Pha với 10ml nước cất, sau đó pha với 50-100ml NaCl 0.9%	24 giờ ở nhiệt độ <25°C 48 giờ ở nhiệt độ 2 – 8°C	Không trộn với Natri Bicarbonat
13 PI100	Piperacilin 2g	Piperacilin 2g	Dược phẩm VCP	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất Truyền TM: Pha với 10ml nước cất,	Thuốc phải pha ngay trước khi dùng. Phần thừa phải được loại bỏ	

				sau đó pha với NaCl 0.9% vừa đủ 50ml		
14 CL113	Cloxacilin 1g	Cloxacilin 1g	Dược phẩm VCP	Tiêm TM: pha với 10ml nước cất Truyền TM: Pha với 3.4ml nước cất, sau đó pha với 100-500ml NaCl 0.9%	DD Tiêm TM: 24 giờ ở nhiệt độ <25°C và 72 giờ ở nhiệt độ 2 – 8°C DD Truyền TM: 12 giờ ở nhiệt độ <25°C và 72 giờ ở nhiệt độ 2 – 8°C	Không trộn lẫn với dd acid amin, nhũ dịch lipid, máu.
15 ES36	Esogas	Esomeprazol 40mg	Dược phẩm Bình Định - (Bidiphar)	Tiêm TM: Pha với dung môi đi kèm Truyền TM: Pha với dung môi đi kèm, sau đó pha loãng với NaCl 0.9% vừa đủ 100ml	DD sau khi pha chưa sử dụng có thể bảo quản <12 giờ ở nhiệt độ <30°C. Trường hợp dùng liều 20mg thì lấy ½ thể tích đã pha, phần còn lại không sử dụng.	
16 SO73	Solezol	Esomeprazol 40mg	Anfarm Hellas S.A. (Hy Lạp)	Tiêm TM: pha với 5ml NaCl 0.9% Truyền TM: Pha với 100ml NaCl 0.9%	Thuốc chỉ sử dụng 1 lần ngay sau khi pha. Phần thừa phải được loại bỏ	
17 ES35	A.T Esomeprazol 20 inj	Esomeprazol 20mg	Dược phẩm An Thiên	Tiêm TM: Pha với dung môi đi kèm Truyền TM: Pha với dung môi đi kèm, sau đó pha loãng với NaCl 0.9% vừa đủ 100ml	DD sau khi pha nên được sử dụng ngay. Có thể bảo quản <12 giờ ở nhiệt độ <30°C đối với dd tiêm TM	
18 PA256	Vintolox	Pantoprazol 40mg	Dược phẩm Vĩnh Phúc	Tiêm TM: pha với 10ml NaCl 0.9% Truyền TM: Pha với 100ml NaCl 0.9%	Dung dịch sau khi pha ổn định <12 giờ ở nhiệt độ <30°C	Không trộn lẫn với các thuốc khác khi sử dụng
19 OM43	Atimezon inj	Omeprazol 40mg Inj	Dược phẩm An Thiên	Tiêm TM: Pha với dung môi đi kèm Truyền TM: Pha với Pha với dung môi, sau đó 100ml NaCl 0.9%	Dung dịch sau khi hoàn nguyên nên được sử dụng ngay. Chỉ dùng trong vòng 4 giờ và bảo quản ở nhiệt độ < 25°C	Chỉ pha với dung môi đi kèm

20 TE304	Arimenus	Terbutalin	Dược phẩm CPCI Hà Nội	Tiêm dưới da Truyền TM: Pha loãng với dung dịch: Glucose 5%, Ringer theo tỉ lệ 1mg/200ml. Không nên pha với NaCl 0,9%.	Dung dịch chuẩn bị truyền phải được sử dụng trong 12 giờ	
--------------------	----------	------------	--------------------------	--	--	--

